**NỘI DUNG KIỂM TRA GIỮA KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ**

**KHỐI 12:**

+ NỘI DUNG: BÀI 6; 7; 8; 9; 10

+ HÌNH THỨC RA ĐỀ: TRẮC NGHIỆM 40 CÂU – THỜI GIAN 45 PHÚT

+ HÌNH THỨC LÀM BÀI: TRỰC TUYẾN TRÊN LMS

**Bài 6, 7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI**

**I. Đăc điểm chung của địa hình**

Có 4 đặc điểm: Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp, cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng, địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa, địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

***1. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp***

- 3/4 diện tích là đồi núi, 85% diện tích có địa hình thấp dưới 1000m và chỉ có 1% diện tích có địa hình trên 2000m

- Ý nghĩa:

+ Làm cho thiên nhiên Việt Nam có đặc điểm chung là thiên nhiên của đất nước nhiều đồi núi.

+ Chi phối sự phân bố nhiệt ẩm, sự hình thành thổ nhưỡng, phân bố thực vật.

+ Góp phần tạo nên sự phân hoá của thiên nhiên nước ta, có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển KTXH

+ Địa hình thấp nên thiên nhiên Việt Nam về cơ bản là thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.

***2. Cấu trúc địa hình khá đa dạng***

- Địa hình được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại và có tính phân bậc rõ rệt như Hoàng Liên Sơn, khối nâng Việt Bắc, khối vòm sông Chảy.

- Địa hình thấp dần từ tây bắc xuống đông nam.

- Hướng tây bắc – đông nam là hướng nghiêng chung của địa hình Việt Nam, là hướng của các dãy núi vùng tây bắc, Trường Sơn Bắc và các hệ thống sông lớn.

- Ngoài ra còn có hướng vòng cung của địa hình vùng núi Đông Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam.

***3. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa***

Quá trình xâm thực và mài mòn diễn ra mạnh ở vùng đồi núi, quá trình bồi tụ diễn ra mạnh ở đồng bằng… do hoạt động phong hoá hoá học và vật lí..

***4. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người***

Địa hình vùng núi bị xói mòn, rửa trôi và san bằng, địa hình đồng bằng bị chia cắt mạnh.

**II. Các khu vực địa hình**

***1. Khu vực đồi núi***

*a. Các vùng đồi núi*

Gồm có 4 vùng

|  |  |
| --- | --- |
| **Vùng núi Đông Bắc** | **Vùng núi Tây Bắc** |
| - Vị trí: Nằm ở tả ngạn sông Hồng gồm 4 cánh cung lớn là Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn và Đông Triều.  - Đặc điểm:  + Thấp dần từ tây bắc xuống đông nam  + Các đỉnh cao trên 2000m nằm trên vùng thượng nguồn sông Chảy.  + Giáp biên giới Việt – Trung là các khối núi đá vôi đồ sộ Hà Giang, Cao Bằng.  + Trung tâm là vùng đồi núi thấp độ cao 500 – 600m.  + Hình thành các vòng cung sông như vòng cung sông Cầu, sông Thương và sông Lục Nam | - Vị trí: Từ sông Hồng đến sông Cả  - Đặc điểm:  + Địa hình cao nhất nước ta với 3 dải địa hình chạy cùng hướng tây bắc – đông nam.  + Phía đông là dãy núi cao Hoàng Liên Sơn.  + Phía tây là núi trung bình, chạy dọc theo biên giới Việt Lào.  + Ở giữa là núi thấp, sơn nguyên và cao nguyên đá vôi chạy từ Phong Thổ đến Mộc Châu, từ Ninh Bình đến Thanh Hoá.  + Hình thành các thung lũng sông như sông Đà, sông Mã, sông Chu. |
| **Vùng núi Trường Sơn bắc** | **Vùng núi Trường Sơn nam** |
| - Vị trí: Phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã  - Đặc điểm:  + Gồm các dãy núi chạy song song và so le nhau theo hướng tây bắc –đông nam.  + Địa hình thấp, hẹp ngang, chia thành 3 phần (núi thấp ở giữa gồm vùng núi đá vôi Quảng Bình và đồi núi thấp Quảng Trị, phía bắc và phía nam là núi cao gồm vùng núi Tây Nghệ An và Tây Thừa Thiên- Huế).  + Có một số núi đâm ngang ra biển như Hoành Sơn, Bạch Mã. | - Vị trí: Từ khối núi Kon Tum đến khối núi cực nam trung bộ.  - Đặc điểm:  + Địa hình gồm các khối núi và cao nguyên được nâng cao đồ sộ.  + Phía đông có những đỉnh cao trên 2000m, sườn dốc đứng, nghiêng dần về dải đồng bằng hẹp ven biển.  + Phía tây có các cao nguyên tương đối bằng phẳng và các bình nguyên xen đồi. |

*b. Địa hình bán bình nguyên và đồi trung du*

- Các bề mặt bán bình nguyên hoặc đồi trung du nằm chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng.

- Bán bình nguyên thể hiện rõ nhất ở Đông Nam Bộ với bậc thềm phù sa cổ độ cao từ 100 – 200m.

- Địa hình đồi trung du phần nhiều là các thềm phù sa cổ bị chia cắt do tác động của dòng chảy.

- Dải đồi trung du rộng nhất ở phía bắc và phía tây ĐBSH, thu hẹp ở rìa đồng bằng ven biển miền Trung.

***2. Khu vực đồng bằng***

*a. Đồng bằng châu thổ sông*

- Giống nhau: Được hình thành và phát triển do phù sa sông bồi tụ trên vùng biển nông và thềm lục địa.

- Khác nhau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đồng bằng sông Hồng** | **Đồng bằng sông Cửu Long** |
| - Diện tích 15 nghìn km2, được bồi tụ bởi phù sa của hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình.  - Bị biến đổi mạnh mẽ do sự khai phá lâu đời của con người.  - Cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển  - Bề mặt bị chia cắt nhiều ô.  - Vùng trong đê không được bồi tụ phù sa, gồm các khu ruộng cao bạc màu và các ô trũng ngập nước. Vùng ngoài đê hàng năm được bồi tụ. | - Diện tích 40 nghìn km2, được bồi tụ phù sa hàng năm của sông Tiền và sông Hậu.  - Bề mặt ít biến đổi do mới khai thác.  - Địa hình thấp và bằng phẳng.  - Có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.  - Ngập nước về mùa lũ, nước triều xâm nhập về mùa cạn, đất phèn và đất mặn chiếm 2/3 diện tích, với các vùng trũng lớn như Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên. |

*b. Đồng bằng ven biển*

- Diện tích khoảng 15 nghìn km2.

- Do phù sa biển bồi đắp là chủ yếu.

- Nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông, hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

+ Đồng bằng Thanh – Nghệ - Tĩnh.

+ Đồng bằng Bình – Trị - Thiên

+ Đồng Bằng Nam – Ngãi – Định.

+ Đồng bằng Phú Yên, Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận.

- Giống nhau: Có phân chia thành 3 dải:

+ Giáp biển là cồn cát, đầm phá.

+ Giữa là vùng thấp trũng.

+ Dải trong cùng đã được bồi tụ thành đồng bằng.

- Khác nhau: Một số đồng bằng được mở rộng ở cửa sông.

+ Đồng bằng Thanh Hoá thuộc hệ thống sông Mã và sông Chu.

+ Đồng bằng Nghệ An thuộc hệ thống sông Cả.

+ Đồng bằng Quảng Nam thuộc hệ thống sông Thu Bồn.

+ Đồng bằng Tuy Hoà thuộc hệ thống sông Đà Rằng

**Bài 8: THIÊN NHIÊN CHỊU ẢNH HƯỞNG SÂU SẮC CỦA BIỂN**

**I. Khái quát về biển Đông**

- Biển Đông là vùng biển rộng (diện tích 3,477 triệu km2, thuộc Thái Bình Dương).

- Biển Đông là vùng biển kín.

- Biển Đông nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. Tính chất này được biểu hiện qua các yếu tố hải văn (nhiệt độ, độ muối, hải lưu) và sinh vật biển.

=> Các đặc điểm này ảnh hưởng đến thiên nhiên phần đất liền nước ta như mang lại độ ẩm cho khí hậu, tạo nên cảnh quan thiên nhiên độc đáo cho vùng ven biển nhưng lắm thiên tai.

**II. Ảnh hưởng của biển Đông đến thiên nhiên Việt Nam**

***1. Khí hậu***

- Do biển Đông rộng, nhiệt độ nước biển cao và biến động theo mùa đã làm tăng độ ẩm của các khối khí qua biển.

- Mang lại lượng mưa lớn và độ ẩm lớn, giảm tính chất khắc nghiệt của thời gian lạnh khô trong mùa đông và làm dịu bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.

- Khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu hải dương.

***2. Địa hình và các hệ sinh thái ven biển***

- Địa hình: Các dạng địa hình ven biển nước ta rất đa dạng, bao gồm các vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu thổ có bãi triều rộng, các bãi cát phẳng, các đầm phá, cồn cát, các vũng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và những rạn san hô.

- Hệ sinh thái: Đa dạng và giàu có bao gồm: Hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái trên đất phèn, hệ sinh thái trên đảo.

***3. Tài nguyên thiên nhiên***

- Khoáng sản:

+ Trữ lượng lớn và giàu nhất là dầu khí (lớn nhất là bể Nam Côn Sơn và Cửu Long, tiếp đến là Thổ Chu – Mã Lai, sông Hồng và những vùng có thế chứa dầu khí khác).

+ Titan ở các bãi cát ven biển là nguồn nguyên liệu quý cho công nghiệp.

+ Hàm lượng muối cao ở các biển miền trung.

- Hải sản:

+ Giàu thành phần loài và có năng suất sinh học cao, nhất là vùng ven bờ.

+ Có trên 2000 loài cá, hơn 100 loài tôm, vài chục loài mực, hàng nghìn loài sinh vật phù du và sinh vật đáy.

+ Các rạn san hô cùng đông đảo các loài sinh vật khác ở ven các đảo nhất là Hoàng Sa, Trường Sa.

=>Biển Đông có vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế của nước ta.

***4. Thiên tai***

- Bão: Trung bình mỗi năm có 9 – 10 cơn bão xuất hiện ở biển Đông, trong đó có 3 – 4 cơn bão đỗ bộ trực tiếp vào nước ta, kèm theo mưa lớn, nước dâng gây lũ lụt.

- Sạt lở bờ biển: Hiện tượng sạt lở bờ biển đã và đang đe doạ nhiều đoạn bờ biển ở nước ta, nhất là ở miền trung.

- Bắc trung bộ còn ảnh hưởng của hiện tượng cát bay, cát chảy lấn chiếm ruộng vườn, làng mạc, hoang mạc hoá đất.

=> Cần sử dụng hợp lí nguồn lợi biển, chống ô nhiễm môi trường, thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai.

**Bài 9, 10: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA**

**I. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa**

Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là đặc điểm cơ bản của thiên nhiên Việt Nam. Đặc điểm này được quy định bởi vị trí địa lí của đất nước: Về vĩ độ, nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến. Về kinh độ, nước ta thuộc khu vực gió mùa châu Á và tiếp giáp với biển Đông nóng ẩm.

***1. Tính chất nhiệt đới***

- Biểu hiện:

+ Tổng lượng bức xạ mặt trời lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm nên nhiệt độ trung bình năm cao, vượt tiêu chuẩn của khí hậu nhiệt đới.

+ Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều lớn hơn 20oC (trừ vùng núi cao), nhiều nắng, tổng số giờ nắng tuỳ nơi từ 1400 đến 3000 giờ/năm.

- Nguyên nhân: Do vị trí nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến, hàng năm lãnh thổ nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn, do góc nhập xạ lớn và ở mọi nơi trong năm đều có hai lần Mặt trời qua thiên đỉnh.

***2. Lượng mưa, độ ẩm***

- Biểu hiện:

+ Lượng mưa lớn, trung bình 1500 – 2000mm, ở những sườn đón gió và khối núi cao, lượng mưa trung bình năm có thể lên đến 3500 – 4000mm.

+ Độ ẩm không khí cao (trên 80%), cân bằng ẩm luôn luôn dương.

- Nguyên nhân: Các khối khí di chuyển qua biển Đông mang theo một lượng hơi ẩm lớn.

***3. Gió mùa***

Nước ta có các loại gió mùa chính là gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ và gió tín phong

|  |  |
| --- | --- |
| **Gió mùa mùa đông** | **Gió mùa mùa hạ** |
| - Hướng chủ yếu: Đông bắc  - Nguồn gốc: Từ cao áp Xibia  - Phạm vi hoạt động: Miền bắc nước ta  - Thời gian hoạt động: Từ tháng XI đến tháng IV năm sau.  - Tính chất: Lạnh khô và lạnh ẩm  - Ảnh hưởng: đến khí hậu mùa đông ở miền bắc. | - Hướng chủ yếu: Tây nam.  - Nguồn gốc: Nửa đầu mùa hạ có nguồn gốc từ áp cao bắc Ấn Độ Dương. Giữa và sau mùa hạ xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nam bán cầu.  - Phạm vi hoạt động: Cả nước  - Thời gian hoạt động: Nửa đầu mùa hạ từ tháng V đến tháng VII, nửa sau mùa hạ từ tháng VI đến tháng X.  - Tính chất: Nóng ẩm  - Ảnh hưởng: Nửa đầu mùa hạ gây mưa cho cả Nam bộ và Tây Nguyên, khô nóng cho Trung bộ. Nửa sau mùa hạ gây mưa cho cả nước. |

Do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu bắc nên có gió tín phong bán cầu bắc hoạt động quanh năm, nhưng do gió mùa lấn át nên gió tín phong thổi xen kẽ gió mùa và chỉ có tác động rõ rệt vào các thời kì chuyển tiếp giữa 2 mùa.

**II. Các thành phần tự nhiên khác**

***1. Địa hình***

*a. Biểu hiện*

- Xâm thực mạnh ở miền đồi núi, bề mặt địa hình bị cắt xẻ, hẻm vực, khe sâu, đất bị bào mòn rửa trôi, nhiều nơi chỉ còn trơ sỏi đá. Những hiện tượng đất trượt, đá lở ở miền đồi núi. Sự thành tạo địa hình cacxtơ với các hang động, suối cạn, thung khô…

- Bồi tụ ở đồng bằng hạ lưu sông như đồng bằng châu thổ sông Hồng và đồng bằng châu thổ sông Cửu Long.

*b. Nguyên nhân*

- Trên các sườn dốc mất lớp phủ thực vật, do tác động của các yếu tố ngoại lực như mưa, gió…

- Hệ quả của quá trình xâm thực ở miền núi tạo nên sự bồi tụ ở đồng bằng.

=> Quá trình xâm thực và bồi tụ là quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam hiện tại.

***2. Sông ngòi***

*a. Biểu hiện*

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng phần lớn là sông nhỏ.

- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.

- Chế độ nước theo mùa, mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô.

*b. Nguyên nhân*

- Địa hình đồi núi nhiều, bị chia cắt mạnh.

- Mưa nhiều, mưa theo mùa, có một số lưu vực nằm ngoài lãnh thổ.

- Hệ số bào mòn lớn và quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

***3. Đất***

*a. Biểu hiện*

- Quá trình feralit hoá là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm.

- Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng đồi núi thấp trên đá mẹ axit nên đất feralit là loại đất chính ở vùng đồi núi nước ta.

*b. Nguyên nhân*

Trong điều kiện nhiệt ẩm cao, quá trình phong hoá diễn ra với cường độ mạnh, tạo nên một lớp đất dày. Mưa nhiều rửa trôi các chất badơ dễ tan như Ca2+, Mg2+, K+ làm đất chua, đồng thời tích tụ oxit sắt và oxit nhôm.

***4. Sinh vật***

- Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng là rừng lá rộng thường xanh.

- Hiện nay rừng nguyên sinh còn lại rất ít, chủ yếu là rừng thứ sinh với các hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa biến dạng khác nhau.

- Trong giới sinh vật, thành phần các loài nhiệt đới chiếm ưu thế, thực vật chủ yếu là các loại cây họ dầu.

- Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm chủ yếu phát triển trên đất feralit là cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nước ta.